



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2015
(XÉT TUYỂN NGUYỄN VỌNG BỔ SUNG ĐỢT 1, DỰA VÀO ĐIỂM THI THPT QUỐC GIA)

(Kèm theo Quyết định số 710 ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐT UT	KV UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT	Ngành
1	THP009975	NGUYỄN THỊ NGÀ	03/07/1997	Nữ		2NT	TO	6.75	HO	7.25	SI	7.75	21.75	22.75	Thú y
2	THV012277	NGUYỄN THỊ THU THẢO	18/01/1997	Nữ	01	1	TO	7	HO	5.5	SI	6.5	19	22.50	Thú y
3	TND004386	PHÙNG THỊ DUYÊN	02/01/1997	Nữ		1	TO	7	HO	7.5	SI	6.5	21	22.50	Thú y
4	TND004386	PHÙNG THỊ DUYÊN	02/01/1997	Nữ		1	TO	7	HO	7.5	SI	6.5	21	22.50	Thú y
5	DCN002026	NGUYỄN THỊ DUYÊN	24/05/1997	Nữ		2NT	TO	7.5	HO	7.5	SI	6.25	21.25	22.25	Thú y
6	YTB018206	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	05/11/1997	Nữ		2NT	TO	7.5	HO	7.5	SI	6	21	22.00	Thú y
7	THP008168	BÙI THỊ MAI LINH	10/04/1997	Nữ		1	TO	6.75	VA	7.5	N1	5.75	20	21.50	Thú y
8	TND008005	THÂN NGỌC HIỀN	12/08/1997	Nữ		2	TO	6.75	LI	7	HO	6.5	20.25	20.75	Kế toán
9	TND001509	TRẦN XUÂN BÁCH	20/10/1997	Nam		1	TO	7.25	LI	6.75	N1	4.75	18.75	20.25	Thú y
10	TND003902	HOÀNG TIẾN DŨNG	25/07/1997	Nam		1	TO	6.5	LI	7	HO	4.75	18.25	19.75	Thú y
11	SPK006131	NGUYỄN TÙNG LÂM	06/09/1997	Nam		1	TO	5.5	LI	5.75	HO	7	18.25	19.75	Thú y
12	KQH013126	VŨ HỮU THIỆU	16/04/1997	Nam		2	TO	7	LI	6.25	HO	6	19.25	19.75	Thú y
13	THP015960	BÙI HỮU ANH TUẤN	28/07/1997	Nam		2NT	TO	6.75	LI	4.75	HO	7	18.5	19.50	Chăn nuôi
14	TND015531	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	26/12/1997	Nữ		1	TO	6	VA	6	N1	6	18	19.50	Kế toán
15	TND010131	TRẦN THỊ HUẾ	02/11/1997	Nữ		1	TO	7	VA	6	N1	5	18	19.50	Kế toán
16	TND029488	DƯƠNG VĂN VŨ	24/03/1997	Nam	01	1	TO	6	HO	5	SI	4.75	15.75	19.25	Thú y
17	TDV004894	LÊ VĂN DŨNG	03/08/1997	Nam		2NT	TO	5.75	LI	5.75	HO	6.75	18.25	19.25	Thú y

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐT ƯT	KV ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT	Ngành
18	HDT000072	NGUYỄN THỊ AN	06/10/1997	Nữ		2	TO	6.75	HO	7	SI	5	18.75	19.25	Công nghệ TP
19	BA010097	PHẠM THỊ KIM OANH	17/01/1997	Nữ		2NT	TO	6.5	LI	5.75	HO	5.75	18	19.00	Thú y
20	TDV030150	PHẠM THỊ THUỶ	28/08/1997	Nữ		2NT	TO	6.75	HO	6.25	SI	5	18	19.00	Thú y
21	TDV004469	LANG THỊ HIỀN DUNG	14/02/1995	Nữ	01	1	TO	5.25	HO	4.5	SI	5	14.75	18.25	Thú y
22	TDV001052	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	02/02/1997	Nữ		2NT	TO	5.75	LI	3.75	HO	7.75	17.25	18.25	Kế toán
23	HDT024570	VŨ THỊ THU	27/06/1996	Nữ		1	TO	5	HO	5.25	SI	6.5	16.75	18.25	Công nghệ TP
24	TND010154	DƯƠNG THỊ HUỆ	17/03/1997	Nữ		1	TO	6.25	VA	6.75	N1	3.5	16.5	18.00	Kế toán
25	DHU023342	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	13/06/1997	Nữ		2NT	TO	5.5	LI	5.5	HO	6	17	18.00	Thú y
26	HUI008559	DƯƠNG VĂN LÝ	30/08/1997	Nam		1	TO	4.25	LI	5.5	HO	6	15.75	17.25	Chăn nuôi
27	TND019924	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	20/01/1997	Nữ		1	TO	5.25	LI	5.5	N1	4.75	15.5	17.00	Thú y
28	LNH006683	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	05/05/1997	Nữ		1	TO	4	VA	6.25	N1	5	15.25	16.75	Thú y
29	SPD005044	ĐÌNH DANH LONG	19/10/1997	Nam		2	TO	4.25	HO	6.25	SI	5.5	16	16.50	Thú y
30	TQU005183	HOÀNG NGỌC THẮNG	07/04/1997	Nam	01	1	TO	4	LI	4.5	HO	4.5	13	16.50	QL tài nguyên rừng
31	DQN026855	NGÔ VĂN TÙNG	04/01/1996	Nam		2NT	TO	5.5	HO	3.75	SI	6.25	15.5	16.50	Thú y
32	TND010271	NGUYỄN THỊ HUỆ	23/12/1997	Nữ		2NT	TO	5.5	VA	5.25	N1	4.75	15.5	16.50	Kế toán
33	TND010274	NGUYỄN THỊ HUỆ	30/04/1997	Nữ		1	TO	5.25	LI	5.75	N1	4	15	16.50	Kế toán
34	HDT023772	NGUYỄN VĂN THẮNG	12/04/1997	Nam		1	TO	4.5	HO	5	SI	5.5	15	16.50	Thú y
35	THV001302	TRẦN THỊ HUỆ CHI	06/09/1997	Nữ		1	TO	3.75	HO	4.5	SI	5.5	13.75	15.25	Thú y
36	TQU004009	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	16/02/1997	Nữ	01	1	TO	4	HO	4	SI	3.5	11.5	15.00	Lâm sinh

Tổng số thí sinh theo danh sách: 36